

Bản án số: 49/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29/11/2021

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Thiệu

2. Bà Phạm Thị Bích Hợp

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Minh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 836/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2020 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 127/2021/QĐXX-ST ngày 04 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 108/2021/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thu T, sinh năm 1983; Đăng ký nhân khẩu thường trú: Số ... phố H, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội; Nơi cư trú hiện nay: Số 23 ngách 30 ngõ 75 đường G, phường Đ, quận H, Thành phố Hà Nội (Có mặt tại phiên tòa).

Bị đơn: Anh Lê Văn N, sinh năm 1968; Đăng ký nhân khẩu thường trú và nơi cư trú hiện nay: Số ... phố H, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội; (Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 03 năm 2021 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị Lê Thu T trình bày:

Chị và anh Lê Văn N xây dựng gia đình với nhau vào năm 2007 trên cơ sở tự nguyện, nhưng đến ngày 28/4/2009 mới đăng ký kết hôn tại UBND phường Ng (nay là phường N) quận H, thành phố Hà Nội, đây là lần kết hôn thứ nhất của anh chị. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ chồng ở số ... phố H, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội. Vợ chồng chung sống hòa thuận

được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách của hai người không hợp nhau, cãi nhau triền miên kéo dài. Mâu thuẫn càng tăng nhất từ năm 2018 cho đến nay, thường xuyên đánh cãi nhau. Từ đầu năm 2020 chị chuyển về nhà mẹ đẻ chị sinh sống ở số 23 ngách 30 ngõ 75 đường G, quận H, Thành phố Hà Nội nên vợ chồng sống ly thân, mỗi người sống một nơi, không quan tâm đến nhau. Việc mâu thuẫn vợ chồng hai bên gia đình đã dàn xếp nhưng không có kết quả gì. Nay chị xin ly hôn anh N vì xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn N để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị xác nhận chị và anh N có 02 con chung là Lê Minh T, sinh ngày 13/8/2007 và Lê Minh T1, sinh ngày 14/4/2011. Ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con lớn là Lê Minh T, anh N nuôi con thứ hai là Lê Minh T1. Về cấp dưỡng nuôi con chị xin được tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung: Chị đề nghị chị và anh N tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn N. Nhưng anh N đều không đến tòa án làm việc và không có ý kiến gì với việc chị T xin ly hôn. Đại diện Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương để tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh N, anh chỉ nhận các văn bản tố tụng nhưng không ký vào các biên bản giao nhận của Tòa án. Chính vì vậy không ghi được ý kiến của bị đơn.

Tại phiên tòa chị T vẫn giữ nguyên quan điểm xin ly hôn anh Lê Văn N vì mâu thuẫn quá lâu, cuộc sống không có hạnh phúc và càng tiếp tục chung sống với nhau thì càng mệt mỏi. Bản thân hai vợ chồng cũng đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, mỗi người có một cuộc sống riêng đề nghị Tòa án sớm giải quyết ly hôn để chị ổn định cuộc sống riêng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đã tuân thủ đúng theo trình tự pháp luật quy định. Đối với nguyên đơn chấp hành, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đối với bị đơn quá trình giải quyết vụ án đã nhiều lần triệu tập nhưng đều vắng mặt nên không có lời khai và không tiến hành hoà giải được, tại phiên tòa cũng vắng mặt. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thu T đối với anh Lê Văn N. Về con chung: Giao con chung Lê Minh T, sinh ngày 13/8/2007 cho chị Lê Thu T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Giao con chung Lê Minh T1, sinh ngày 14/4/2011 cho anh Lê Văn N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục; Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T xin tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét; Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung: Chị Trang đề nghị xin tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xét. Về án phí đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thu T có đơn xin ly hôn đối với anh Lê Văn N, cư trú tại: số... phố H, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn N, nhưng anh N đều không đến Tòa án làm việc và không có ý kiến gì đối với việc chị T xin ly hôn. Đại diện Tòa án đã phối hợp cùng chính quyền địa phương để tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh N nhưng anh chỉ nhận các văn bản tố tụng và không đồng ý ký vào các biên bản giao nhận của Tòa án. Như vậy anh N đã từ bỏ quyền của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 19/11/2021 bị đơn là anh Lê Văn N vắng mặt không có lý do. Vì vậy Hội đồng xét xử sơ thẩm căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa tiếp theo mở vào hồi 14 giờ 00 phút ngày 29/11/2021. Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 29/11/2021 bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Do vậy căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thu T và anh Lê Văn N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường N (nay là phường Ng) quận H, Thành phố Hà Nội theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 28/4/2009. Xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn: Theo tài liệu được địa phương cung cấp quá trình anh N và chị T chung sống tại địa phương hạnh phúc bình thường đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, ngoài ra không nắm được mâu thuẫn cụ thể vì các gia đình phần lớn không để tổ dân phố cũng như hàng xóm biết. Chị T không còn ở tại địa chỉ số phố H, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội từ năm 2020 cho đến nay. Hiện nay anh N vẫn ở tại địa chỉ số ... phố H, phường N, quận H, Thành phố Hà Nội. Quan điểm của địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào pháp luật để giải quyết.

[4] Xét mâu thuẫn của chị T và anh N có thể cho thấy rằng mâu thuẫn của vợ chồng anh chị xảy ra đã từ lâu, đặc biệt mâu thuẫn căng thẳng nhất là từ năm 2018 cho đến nay, nguyên nhân mâu thuẫn do hai người bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung, thường xuyên đánh cãi nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã nhiều lần thông báo cho anh N đến Tòa án để trình bày nguyên vọng cũng như hòa giải nhưng anh cố tình không đến làm việc, không tham gia các buổi hòa giải, điều đó thể hiện anh N không có mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy có thể cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được việc chị T xin ly hôn anh N là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Lê Thu T đối với anh Lê Văn N.

[5]. Về con chung: Chị T xác nhận anh chị có 02 con chung là Lê Minh T, sinh ngày 13/8/2007 và Lê Minh T1, sinh ngày 14/4/2011. Ly hôn, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Minh T và giao con chung Lê Minh T1 cho anh Lê Văn N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục. Xét thấy nguyện vọng của chị T cũng như nguyện vọng của các cháu Lê Minh T và Lê Minh T1 là phù hợp với pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của các con nên giao con chung Lê Minh T cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Giao con chung Lê Minh T1 cho anh N được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chị T xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Về tài sản chung (động sản và bất động sản) và nợ chung: Chị T đề nghị xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[7]. Về án phí: Chị Lê Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[8]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4, 5 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (ban hành kèm theo Nghị quyết).

Xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thu T đối với anh Lê Văn N. Chị Lê Thu T được ly hôn với anh Lê Văn N.

[2]. Về con chung: Xác định chị T và anh N có 02 con chung là Lê Minh T, sinh ngày 13/8/2007 và Lê Minh T1, sinh ngày 14/4/2011. Ly hôn, giao con chung Lê Minh T cho chị Lê Thu T trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Giao con chung Lê Minh T1 cho anh Lê Văn N trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Về cấp dưỡng nuôi con chị T đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[3]. Về tài sản chung (gồm động sản và bất động sản) và nợ chung: Chị T đề nghị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4]. Về án phí: Chị Lê Thu T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai AA/2019/0004105

ngày 18/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội.

[5]. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, chị Lê Thu T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Anh Lê Văn N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận :

- Người tham gia tố tụng
- VKSND Q. Hai Bà Trưng
- VKSND T.P Hà Nội
- TAND T.P Hà Nội
- Chi cục THADS quận Hai Bà Trưng
- UBND phường N
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tiến

